

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự.
Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 2569/2020/TLST-VHNGĐ ngày 07/12/2020 về việc: "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*", giữa:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

+ Anh **Trần Hoàng T**, sinh năm 1988.

HKTT: Số B, KPA, phường QV, Thành phố BH, tỉnh Đồng Nai

Chỗ ở hiện nay: Xã ĐĐ, huyện ĐĐ, tỉnh bà Rịa – Vũng Tàu

+ Chị **Nguyễn Thị Ngọc N**, sinh năm 1988.

HKTT: Ấp LTA, xã LP, thị xã LM, tỉnh Hậu Giang

Chỗ ở hiện nay: A, đường PDP, phường TB, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh chị kết hôn với nhau năm 2013, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được UBND phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 162 ngày 11/12/2013. Sau khi kết hôn trong cuộc sống thường phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do không hiểu nhau, bất đồng quan điểm sống, suy nghĩ của hai vợ chồng trái ngược nhau. Hai vợ chồng đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không thay đổi được. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh, chị cùng làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân TP Biên Hòa công nhận việc thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Có 01 con chung là Trần Thành C, sinh ngày 12/02/2014. Giao con chung cho anh Trần Hoàng T trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời chị Nguyễn Thị Ngọc N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3]. Về tài sản chung: Các đương sự khai không có nên không đặt ra xem xét.

[4]. Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Anh Trần Hoàng T và chị Nguyễn Thị Ngọc N phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) anh, chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0007539 ngày 26/11/2020.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Hoàng T và chị Nguyễn Thị Ngọc N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung là Trần Thành C, sinh ngày 12/02/2014. Giao con chung cho anh Trần Hoàng T trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời chị Nguyễn Thị Ngọc N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị Ngọc N được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Các đương sự khai không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Trần Hoàng T và chị Nguyễn Thị Ngọc N phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) anh, chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0007539 ngày 26/11/2020.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- UBND phường Trung Dũng, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai (GCNKH 162 ngày 11/12/2013);
- Chi cục THADS thành phố Biên Hòa;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lê Hồng Ngọc